

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 10 TC/CTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 1983

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về Thuế công thương nghiệp

Thi hành pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về thuế công thương nghiệp, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

I. Thuế môn bài:

1/ Thuế môn bài đặt ra nhằm thực hiện yêu cầu kiểm kê, kiểm soát và phân loại các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp riêng lẻ và tập thể.

Mọi tổ chức và cá nhân kinh doanh công thương nghiệp chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp đều phải nộp thuế môn bài. Cơ quan thuế thu Thuế môn bài và cấp môn bài cho các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp căn cứ vào giấy phép kinh doanh do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp.

2/ Thuế môn bài thu mỗi năm một lần vào đầu năm dương lịch. Đến ngày 31/5/1983 việc thu Thuế môn bài năm 1983 phải làm xong. Để kết hợp giữa việc cấp giấy phép kinh doanh và việc thu Thuế môn bài, UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, cần chỉ đạo và đôn đốc các ngành có liên quan ở địa phương tổ chức một đợt xét duyệt việc cấp giấy phép kinh doanh cho tất cả những cơ sở chưa có giấy phép, chậm nhất là đến ngày 16/5/1983 phải xong.

Từ ngày 1/6/1983 trở đi, những cơ sở kinh doanh không có môn bài sẽ bị xử lý theo điều 44 của điều lệ thuế công thương nghiệp đã được sửa đổi theo điều 6 của Pháp lệnh ngày 26/2/1983 của Hội đồng Nhà nước. UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương cần công bố ngay thời hạn này cho các cơ sở kinh doanh trong địa phương biết để làm thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh và môn bài.

3/ Căn cứ để xác định mức thuế môn bài là thu nhập về kinh doanh (doanh thu trừ chi phí nhưng chưa trừ suất miễn thu). Mức Thuế môn bài do cơ quan thuế huyện,

quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh định cho từng cơ sở, mỗi năm một lần.

Cơ quan thuế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, căn cứ vào nguyên tắc trên, tham khảo doanh thu của các hộ sản xuất, kinh doanh năm 1982 để xác định mức Thuế môn bài mà mỗi hộ sẽ phải nộp năm 1983. Cần chú ý kiểm tra để nắm đúng số doanh thu năm 1982 của mỗi cơ sở.

Đối với các cơ sở mới khai trương trong năm 1983, cơ quan thuế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh căn cứ vào quy mô của cơ sở kinh doanh, đối chiếu với cơ sở kinh doanh tương đương cùng ngành, nghề mà định mức thuế phải nộp năm 1983. Sang năm 1984 sẽ căn cứ vào thực tế kinh doanh năm 1983 mà điều chỉnh lại mức thuế phải nộp cùng một lần với việc thu thuế môn bài năm 1984.

4/ Việc đổi môn bài chỉ áp dụng đối với những cơ sở kinh doanh đã nộp Thuế môn bài mà muốn thay đổi ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh hoặc địa bàn kinh doanh theo hướng Nhà nước khuyến khích. Việc đổi môn bài chỉ áp dụng cho năm diễn ra sự thay đổi về ngành, nghề, mặt hàng và địa bàn kinh doanh; sang năm sau, cơ quan thuế sẽ xác định lại mức Thuế môn bài cho phù hợp với thu nhập về kinh doanh.

II. Thuế Doanh nghiệp:

1/ Việc sắp xếp các ngành, nghề kinh doanh vào các bậc thuế suất thuế doanh nghiệp phải theo đúng điều 4 Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng.

2/ Đối với những cơ sở sản xuất làm gia công dưới bất cứ hình thức nào, đều thu thuế doanh nghiệp trên tổng số tiền công hoặc doanh thu theo thuế suất áp dụng cho ngành sản xuất đó.

Ngoài ra, vì thuế suất thuế doanh nghiệp áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh các ngành phục vụ, thương nghiệp và ăn uống vừa căn cứ vào quy mô của cơ sở kinh doanh, vừa căn cứ vào mặt hàng kinh doanh, cho nên UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc TW cần căn cứ vào tình hình ở địa phương mà hướng dẫn cụ thể các tiêu chuẩn về quy mô và về mặt hàng kinh doanh để làm căn cứ xếp bậc thuế doanh nghiệp cho các cơ sở kinh doanh ở địa phương, Cục thuế công thương nghiệp cần theo dõi, hướng dẫn các địa phương trong công thương nghiệp cần theo dõi, hướng

dẫn các địa phương trong việc này để bảo đảm tính thống nhất của chính sách trong cả nước.

III. Thuế lợi tức doanh nghiệp

1/ Phương thức thu thuế lợi tức doanh nghiệp đối với từng loại cơ sở kinh doanh tập thể cũng như riêng lẻ quy định như sau:

- Đối với những cơ sở nộp Thuế môn bài bậc 6: chỉ thu thuế doanh nghiệp, không thu thuế lợi tức doanh nghiệp, Thuế doanh nghiệp thu hàng tháng.
- Đối với những cơ sở nộp Thuế môn bài bậc 5: thu thuế doanh nghiệp hàng tháng gộp với thuế lợi tức doanh nghiệp hàng tháng theo mức cố định cho từng quý.
- Đối với những cơ sở nộp Thuế môn bài bậc 4: thu thuế doanh nghiệp hàng tháng và thuế lợi tức doanh nghiệp hàng tháng căn cứ vào kết quả kinh doanh của tháng đó.
- Đối với những cơ sở nộp Thuế môn bài bậc 3: thu thuế doanh nghiệp hàng tháng và thuế lợi tức doanh nghiệp hàng tháng căn cứ vào kết quả kinh doanh của tháng đó. Cơ sở kinh doanh bắt buộc phải ghi chép kế toán theo mẫu đơn giản.
- Đối với những cơ sở nộp Thuế môn bài bậc 2 và bậc 1: thu thuế doanh nghiệp hàng tháng; tạm thu thuế lợi tức doanh nghiệp hàng tháng và quyết toán vào cuối quý (phải điều chỉnh số thuế lợi tức doanh nghiệp phải nộp cho phù hợp với thực tế kinh doanh cả quý). Cơ sở kinh doanh bắt buộc phải ghi chép kế toán theo đúng thể thức Nhà nước quy định.

2/ Những cơ sở kinh doanh mới tạm nộp thuế lợi tức doanh nghiệp quý I/1983, đến cuối năm mới quyết toán, thì khi quyết toán phải tính thuế lợi tức doanh nghiệp cả năm theo quy định của Pháp lệnh.

3/ Thuế lợi tức doanh nghiệp có 3 biểu thuế: biểu thuế đối với ngành sản xuất, vận tải; biểu thuế đối với ngành phục vụ và biểu thuế đối với ngành thương nghiệp, ăn uống.

Ngành ăn uống trước đây chịu thuế theo biểu thuế của ngành phục vụ thì từ nay chịu thuế theo biểu thuế của từng ngành thương nghiệp, ăn uống mới ban hành.

4/ Thuế suất bổ sung:

Các hộ riêng lẻ kinh doanh công thương nghiệp (kể cả các tổ hợp tác tiểu thương) nếu lợi tức chịu thuế vượt 3.000đ/tháng thì nộp thuế theo thuế suất lũy tiến toàn phần (gồm thuế suất tối đa ghi trong biểu thuế cộng với thuế suất bổ sung) như sau:

LỢI TỨC CHỊU THUẾ 1

THÁNG

THUẾ SUẤT LŨY TIẾN TOÀN PHẦN (%)

Ngành sản xuất vận tải
Ngành phục vụ
Ngành thương nghiệp ăn uống

Trên 3.000 đến 5.000

35%50%70%

Trên 5.000đ

40%60%80%

5/ Thuế suất đặc biệt 100%:

Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định căn cứ xác định lợi tức thu được do đầu cơ, nâng giá để áp dụng thuế suất đặc biệt 100% và thẩm quyền xử lý lợi tức đầu cơ nâng giá.

Để pháp huy tác dụng của điều khoản này, cơ quan thuế phải phối hợp vùng các cơ quan công an, thương nghiệp, quản lý thị trường, vật giá sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, kết hợp dựa vào quần chúng ở phường, xã, điều tra phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp đầu cơ nâng giá.

Khi kiểm tra các hoạt động kinh doanh trên thị trường, gặp trường hợp người bán hoặc thu tiền dịch vụ cao hơn giá đã niêm yết thì cán bộ thuế (có thể kết hợp cùng cảnh sát kinh tế hoặc cán bộ quản lý thị trường, cán bộ giá ..) tùy theo mức độ vi phạm nghiêm trọng hay không nghiêm trọng mà xử lý: thu toàn bộ khoản chênh lệch giữa giá bán thực tế và giá niêm yết miễn phạt hoặc phạt theo chế độ quy định. Mọi trường hợp xử lý đều phải có biên bản hợp pháp.

6/ Khi tính thuế lợi tức, gặp trường hợp chuẩn cấp thuế suất thì tính thuế theo bảng thuế tính sẵn kèm theo thông tư này.

7/ Theo Pháp lệnh, các cơ sở kinh doanh những ngành nghề, mặt hàng cần hạn chế phải nộp thêm 10% số thuế lợi tức doanh nghiệp đã tính theo biểu thuế. Ví dụ 1 hộ buôn bán mỹ phẩm (là mặt hàng cần hạn chế) có lợi tức chịu thuế là 4.500đ/tháng, thuế lợi tức tính theo biểu thuế là: 4.500đ x 70% (thuế suất tối đa 60% + thuế suất bổ